| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHONG ĐIỀN**<br>**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 74/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 7 - 2021
V/v kiện ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đạt.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.

2. Ông Nguyễn Văn Lương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc "Kiện ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thuý B, sinh năm: 1993; Nơi đăng ký thường trú: Thôn P, xã P C, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; Địa chỉ liên lạc: Đội 4, thôn P, xã P T, huyện L, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Quang B1, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Thôn P, xã P C, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 04/5/2021, bản tự khai ngày 26/5/2021 nguyên đơn chị Trần Thị Thuý B trình bày các vấn đề yêu cầu giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thuý B và anh Lê Quang B1 tự tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Được gia đình hai bên đồng ý tổ chức đám cưới, đến ngày 22/02/2013 chị B và anh B1 đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện L T, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn chị B và anh B1 về sinh sống tại gia đình chồng và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã P C, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khoảng thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc không có mẫu thuẫn gì, nhưng mấy năm trở lại đây vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, hay cãi vã, không tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm, anh B1 nghi ngờ chị B ngoại tình, khiến cuộc

sống vợ chồng trở nên trầm trọng khó có thể hàn gắn được nữa. Nên chị B yêu cầu Toà án giải quyết xin ly hôn với anh B1.

Về con chung: Anh B1, chị B có 02 người con là cháu Lê Trần Anh T, sinh ngày 03/8/2014; cháu Lê Trần Yến N, sinh ngày 25/01/2019. Chị B yêu cầu Tòa án giao cả hai con là Lê Trần Anh T, Lê Trần Yến N cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị B yêu cầu anh B1 đóng góp cấp dưỡng nuôi hai người con, mỗi người con là 1.000.000 đồng/một tháng, cả hai người con là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị B không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Theo biên bản ghi lời khai ngày 14/6/2021của bị đơn, anh Lê Quang B1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B1 và chị B kết hôn tự nguyện sau đó về sinh sống tại nhà nội ở Đội 2, thôn P, xã P C, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Vào khoảng tháng 10 năm 2020, chị B bỏ nhà ra đi trong khi đang lúc lụt bão nguy cấp. Đến khoảng đầu tháng 11 năm 2020, chị B có quay trở về nhà và lấy chiếc xe máy trong nhà đem đi bán, đây là phương tiện tài sản duy nhất của vợ chồng nên anh B1 phải đi chuộc xe về. Sau đó, chị B tiếp tục bỏ nhà đi đến tết âm lịch năm 2021 mới quay về. Lý do chị B bỏ đi anh B1 cũng không rõ. Nay chị B có đơn yêu cầu ly hôn, anh B1 đồng ý và yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với chị B.

Về con chung: Anh B1 yêu cầu Tòa án giao cả hai con là Lê Trần Anh T, Lê Trần Yến N cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh B1 không yêu cầu chị B đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh B1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngày 22/6/2021, Toà án đã tiến hành hoà giải cho chị B và anh B1 nhưng hoà giải không thành. Nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Trần Thị Thuý B được ly hôn anh Lê Quang B1; Về con chung, giao cả hai cháu là cháu Lê Trần Anh T, sinh ngày 03/8/2014; cháu Lê Trần Yến N, sinh ngày 25/01/2019 cho anh B1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, vì hiện chị B đang ốm đau và không có việc làm nơi ăn ở ổn định, do anh B1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị không xem xét; Về tài sản chung nợ chung chị B, anh B1 không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí ly hôn chị B phải chịu theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Thuý B và anh Lê Quang B1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 22/02/2013. Điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[2] Về đánh giá chứng cứ: Theo biên bản xác minh ngày 16/6/2021, đại diện chính quyền xã P C, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế cho biết: Về tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị B và anh B1, sau khi kết hôn vợ chồng anh B1 và chị B về sống tại thôn P, xã P C, hạnh phúc được một thời gian, do chị B thường xuyên đau ốm nên không làm việc gì, chỉ phụ giúp chồng trong công việc gia đình. Cuối năm 2020 chị B bỏ nhà đi không rõ lý do đến tháng 10/2020 có trở về. Sau tết âm lịch năm 2021 đến nay chị B tiếp tục bỏ đi không rõ địa chỉ ở đâu. Chị B cho rằng anh B1 thiếu sự quan tâm khi chị đau ốm và không hỗ trợ về kinh tế để chị chữa bệnh, nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Phía anh B1 cũng không mong muốn vợ chồng phải ly hôn, và anh cũng nhiều lần đề nghị chị B trở về để vợ chồng đoàn tụ chăm sóc hạnh phúc gia đình, nhưng chị B cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

[3] Xét tình trạng hôn nhân của chị B, anh B1: Sau khi kết hôn, hai anh chị sống ở bên nội tại xã P C và có cuộc sống hạnh phúc, êm đềm, không có mâu thuẫn gì với nhau. Tuy nhiên, khoảng hai năm trở lại đây chị B và anh B1 có xảy ra mâu thuẫn do anh B1 thường nghi ngờ chị B có người khác ở bên ngoài, mặc khác chị B bỏ nhà ra đi từ tháng 10/2020 đến nay và không còn quan tâm đến chồng con, xét tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nghĩ nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị B và anh B1.

[4] Về con chung: Anh B1, chị B có 02 người con là cháu Lê Trần Anh T, sinh ngày 03/8/2014; cháu Lê Trần Yến N, sinh ngày 25/01/2019. Chị B và anh B1 có tranh chấp về yêu cầu quyền nuôi con sau ly hôn. Tuy nhiên, xét trình trạng về sức khỏe chị B thường xuyên đau ốm không có thu nhập, không có việc làm, nguồn thu nhập chính là hiện nay chị được hưởng chế độ bảo hộ xã hội bệnh tật 405.000 đồng/tháng. Về nơi ăn ở sinh hoạt của chị B hiện phụ thuộc gia đình bên ngoại, không đảm bảo điều kiện nuôi các con. Đối với anh B1 hiện thu nhập ổn định và vợ chồng có tạo lập được một ngôi nhà cấp 4 tại thôn P, xã P C, hiện nay anh B1 đang sống cùng cháu N và cháu T ở ngôi nhà này. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và điều kiện ăn ở sinh hoạt học tập của các cháu Hội đồng xét xử xét giao cả hai con là Lê Trần Anh T, Lê Trần Yến N cho anh B1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do anh B1 không yêu cầu chị B đóng góp cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị B, anh B1 không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc chị Trần Thị Thuý B phải chịu số tiền án phí giải quyết ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002722 ngày 26/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền. Chị B đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thuý B với anh Lê Quang B1.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trần Anh T, sinh ngày 03/8/2014; cháu Lê Trần Yến N, sinh ngày 25/01/2019 cho anh B1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Do anh B1 không yêu cầu chị B đóng góp cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Thuý B phải chịu số tiền án phí giải quyết ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002722 ngày 26/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền. Chị B đã nộp đủ án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- Các đương sự;
- UBND xã P C;
- Lưu: HSVA;
- Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà**

*(đã ký)*

**Nguyễn Văn Đạt**